

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số 6109/TTr-UBND ngày 05/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 193/BC-HĐND ngày 05/12/2022 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2023, như sau:

1. Tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh: **2.422** (Số liệu chi tiết tại phụ lục kèm theo).
2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh: **23.970**.
3. Định biên cho các hội có tính chất đặc thù: **81**



**Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Tập trung rà soát, sắp xếp biên chế công chức, số lượng người làm việc đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác của công chức, viên chức và người lao động; bảo đảm việc thực hiện tinh giản biên chế công chức, người làm việc hưởng lương ngân sách, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng công chức, viên chức; tăng cường quản lý, sử dụng biên chế theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBTV Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XIV;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- UB.MTTQ tỉnh và tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh
- Lưu: VT, PC2.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Kỳ**



## PHỤ BIỂU

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2023**  
(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên cơ quan	Biên chế công chức giao năm 2023
	<b>Tổng biên chế được giao</b>	<b>2422</b>
<b>I</b>	<b>Khối Sở, ban, ngành</b>	<b>1391</b>
1	Ban An toàn giao thông	5
2	Ban Dân tộc tỉnh	16
3	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	39
4	Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn	10
5	Sở Công Thương	42
6	Sở Du lịch	29
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	53
8	Sở Khoa học và Công nghệ	40
9	Sở Giao thông vận tải	85
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	51
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	68
12	Sở Nội vụ	71
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	347
14	Sở Ngoại vụ	22
15	Sở Tài chính	68
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	89
17	Sở Tư pháp	32
18	Sở Thông tin và Truyền thông	29
19	Sở Văn hoá và Thể thao	37
20	Sở Xây dựng	50
21	Sở Y tế	60
22	Thanh tra tỉnh	42
23	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	2
24	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	35
25	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	69



Stt	Tên cơ quan	Biên chế công chức giao năm 2023
<b>II</b>	<b>Khởi huyện</b>	<b>1019</b>
1	UBND thành phố Hạ Long	145
2	UBND thành phố Cẩm Phả	91
3	UBND thành phố Móng Cái	91
4	UBND thành phố Uông Bí	91
5	UBND thị xã Đông Triều	84
6	UBND thị xã Quảng Yên	78
7	UBND huyện Vân Đồn	72
8	UBND huyện Hải Hà	68
9	UBND huyện Tiên Yên	67
10	UBND huyện Bình Liêu	64
11	UBND huyện Ba Chẽ	64
12	UBND huyện Đầm Hà	64
13	UBND huyện Cô Tô	40
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>12</b>

13